

Số: 127/2021/QĐST-HNGĐ

K, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Thế N**, sinh năm: 1982. Hộ khẩu thường trú: Ấp Ngọc Hiền, xã Vân Khánh Đông, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện tại: Tổ 25, khu phố Cư Xá Mới, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1983. Hộ khẩu thường trú: Ấp Ngọc Hiền, xã Vân Khánh Đông, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện tại: Tổ 25, khu phố Cư Xá Mới, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn N và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Thế N và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thế N và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vân Khánh Đông, huyện A, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/4/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tình cảm mâu thuẫn trầm trọng. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N và anh T thuận tình ly hôn với nhau và được Tòa án ghi nhận.

- Về con chung: Chị N và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Nhựt T, sinh ngày 10/8/2012. Chị N và anh T thống nhất giao cháu T cho chị N tiếp

tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, sự thỏa thuận này là phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên ghi nhận.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cấp dưỡng tháng đầu vào ngày 01/01/2022.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi bên chịu một nửa nhưng chị N tự nguyện nộp hết. Anh T phải nộp số tiền án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng nhưng chị N tự nguyện nộp hết. Số tiền án phí chị N phải nộp là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0000041 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K nên chị N không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- UBND xã Vân Khánh Đông, huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho